

Áp lực bán quay trở lại

Thông tin chỉ số VN30

Chỉ số VN30 đóng cửa tại 1,047 điểm. Cụ thể, HDB (-3.5%), PLX (-3.5%), và VHM (-3.3%) là những mã giảm mạnh nhất. Về hoạt động khối ngoại, hoạt động mua tăng mạnh với giá trị mua ròng ghi nhận ở mức 20 tỷ đồng, dẫn dắt chủ yếu bởi hoạt động mua ròng trên VRE, HPG, và POW.

Đồ thị VN30 Future: Độ biến động gia tăng

Áp lực bán gia tăng trên hợp đồng VN30F2304. Tuy nhiên, ngưỡng 1,050 điểm đã bị phá vỡ, giai đoạn phục hồi đang chiếm ưu thế. Áp lực bán duy trì ở mức cao quanh vùng 1,100 điểm và vùng này sẽ là vùng kháng cự mạnh trong ngắn hạn. Các đường MA chủ đạo đã bị phá vỡ, đà tăng đang chiếm ưu thế. Vị thế bán mới không được khuyến nghị khi độ biến động đang gia tăng và vị thế mua mới nên được mở trên hợp đồng VN30F2304. Do vậy, traders nên chờ nhịp điều chỉnh trong phiên và mở vị thế mua trên hợp đồng tiếp theo.

Chiến lược đầu tư

Vị thế bán mới không được khuyến nghị khi độ biến động đang gia tăng và vị thế mua mới nên được mở trên hợp đồng VN30F2304. Do vậy, traders nên chờ nhịp điều chỉnh trong phiên và mở vị thế mua trên hợp đồng tiếp theo (Đồ thị giờ).

Bảng 1. Thống kê hợp đồng tương lai

(điểm, %, hợp đồng)

	Giá đóng cửa	+/- %	KL giao dịch	KL Mở	Fair Value	Ngày thanh toán
VN30 Index	1,047.0	(1.9)				
VN30F2304	1,043	(1.9)	292,482	-	1,064	20/04/23
VN30F2305	1,047.5	(1.5)	58,031	44,985	1,068	18/05/23
VN30F2306	1,041.5	(1.2)	248	1,090	1,075	15/06/23
VN30F2309	1,050	(1.2)	88	201	1,087	21/09/23

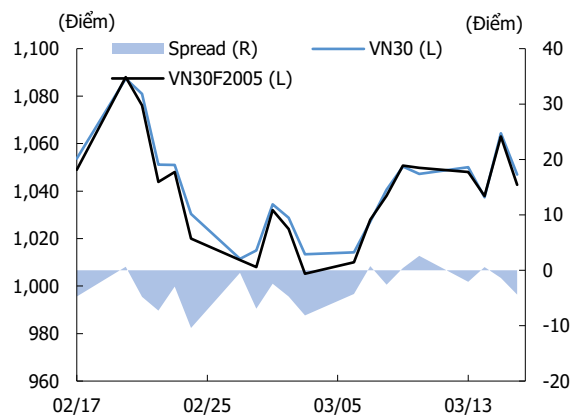
Nguồn: Bloomberg, KIS

Research Dept

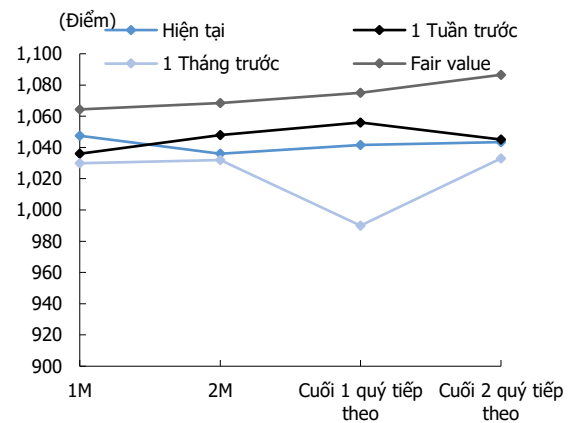
Researchdept@kisvn.vn

Hình 1. Đồ thị nến theo giờ - VN30

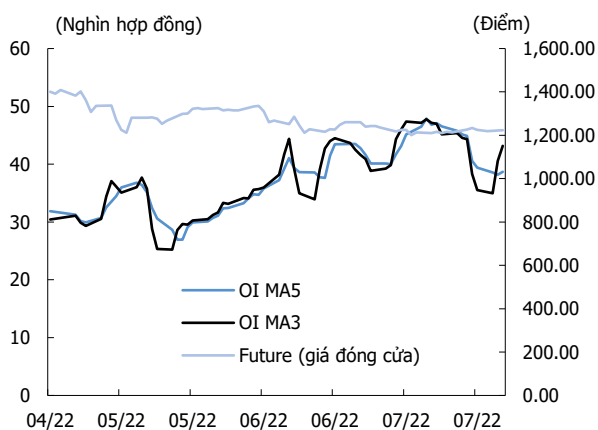
Nguồn: Bloomberg, KIS. Giá được điều chỉnh theo phương pháp Continuous Adjustment

Hình 2. Độ lệch

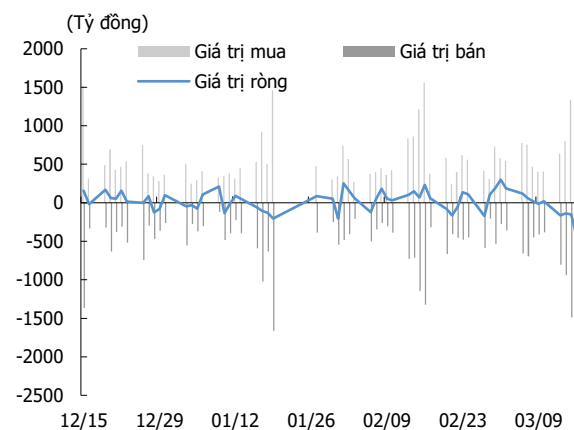
Nguồn: Bloomberg, KIS

Hình 3. Đường cong giá hợp đồng tương lai

Nguồn: Bloomberg, KIS

Hình 4. Open interest

Nguồn: Bloomberg, KIS

Hình 5. Giao dịch khối ngoại hàng ngày

Nguồn: Bloomberg, KIS

Bảng 2. Danh sách cổ phiếu VN30

(Tỷ đồng, đồng, %, x, nghìn CP)

Mã	Tên	Ngành	Vốn hóa	Tỷ trọng	Giá đóng cửa	% ngày	PER	PBR	KLGD 3 tháng	SH Nước Ngoài	Cao 52 Tuần	Thấp 52 Tuần
ACB	Ngân hàng Á Châu	Tài chính	82,409	6.98	24,400	(1.6)	6.0	1.41	3,103	30.0	27,320	17,450
BID	BIDV	Tài chính	233,957	0.93	46,250	(1.2)	12.9	2.35	1,462	17.3	48,000	28,000
BVH	Tập đoàn Bảo Việt	Tài chính	36,077	0.36	48,600	(1.4)	23.6	1.77	423	27.3	70,000	41,200
CTG	VietinBank	Tài chính	139,126	2.08	28,950	(1.9)	8.2	1.29	3,069	28.1	33,450	19,500
FPT	FPT Corp	CNTT	86,885	7.36	79,200	(1.6)	16.3	4.13	835	49.0	99,083	61,300
GAS	PV Gas	Dịch vụ tiện ích	200,199	1.00	104,600	(2.2)	13.6	3.34	230	3.0	134,000	92,600
GVR	Tập đoàn CN Cao su VN	Nguyên vật liệu	59,400	0.24	14,850	(2.3)	15.5	1.22	1,969	0.5	37,800	9,300
HDB	HDBank	Tài chính	44,897	3.13	17,850	(3.5)	5.8	1.21	2,217	18.9	23,920	13,050
HPG	Hòa Phát	Nguyên vật liệu	121,238	6.65	20,850	(2.1)	14.3	1.26	25,377	23.6	36,885	11,800
BCM	Becamex IDC Corp	Nguyên vật liệu	85,077	0.34	82,200	(1.2)	62.9	5.05	101	2.8	101,800	58,200
MBB	MBBank	Tài chính	79,118	4.34	17,450	(2.0)	4.5	1.04	8,315	23.2	28,667	13,200
MSN	Tập đoàn Masan	TD thiết yếu	119,308	5.35	83,800	(1.1)	33.3	4.56	746	30.7	130,000	69,100
MWG	Thế giới di động	TD không thiết yếu	57,657	4.31	39,400	(1.5)	13.9	2.41	2,093	49.0	81,400	35,250
NVL	Đầu tư Địa ốc No Va (Novaland)	Bất động sản	21,744	1.19	11,150	(1.8)	9.6	0.58	16,597	5.3	88,300	10,050
PDR	BDS Phát Đạt	Bất động sản	8,194	0.37	12,200	(0.4)	7.0	1.00	7,646	4.0	69,626	9,940
PLX	Petrolimex	Năng lượng	46,186	0.46	36,350	(3.5)	31.4	1.88	745	18.1	57,400	22,950
VIB	VIBBank	Tài chính	44,050	2.20	20,900	(2.3)	8.1	1.35	3,340	20.5	36,148	16,200
POW	Điện lực Dầu khí Việt Nam	Dịch vụ tiện ích	31,030	0.77	13,250	(1.9)	15.0	1.02	8,541	7.1	17,250	8,910
SAB	SABECO	TD thiết yếu	122,485	1.34	191,000	0.8	23.9	5.29	131	62.6	203,000	149,000
SSI	Chứng khoán SSI	Tài chính	30,208	2.09	20,150	(1.0)	13.8	1.35	15,149	43.8	42,671	13,050
STB	Sacombank	Tài chính	46,376	4.62	24,600	(3.0)	9.2	1.20	18,365	29.0	34,300	14,050
TCB	Techcombank	Tài chính	94,086	6.10	26,750	(1.7)	4.7	0.84	3,599	22.5	50,600	19,300
TPB	Ngân hàng Tiên Phong	Tài chính	38,990	2.33	24,650	0.0	6.2	1.21	5,938	30.0	41,800	18,300
VCB	Vietcombank	Tài chính	430,659	4.72	91,000	(0.4)	14.0	1.40	1,053	23.6	96,300	62,000
VHM	Vinhomes	Bất động sản	193,769	4.83	44,500	(3.3)	6.8	1.34	2,244	24.0	78,500	39,400
VIC	VinGroup	Bất động sản	203,283	5.07	53,300	(1.3)	79.0	1.81	1,792	12.8	83,100	49,700
VJC	Vietjet Air	Công nghiệp	55,244	2.75	102,000	(2.8)	30.1	3.88	292	17.3	148,200	94,000
VNM	VINAMILK	TD thiết yếu	159,673	6.37	76,400	(0.9)	21.0	5.35	1,570	55.9	85,600	64,500
VPB	VPBank	Tài chính	130,572	9.11	19,450	(1.8)	7.1	1.35	19,708	17.6	27,367	13,650
VRE	Vincom Retail	Bất động sản	65,784	2.62	28,950	1.6	23.7	1.97	2,165	32.7	34,650	21,400

Nguồn: Bloomberg, KIS

Miễn Trừ Trách Nhiệm

Báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing cho chứng khoán Việt Nam được thực hiện và phát hành bởi phòng phân tích của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam, công ty được cấp giấy phép đầu tư của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam. Chuyên viên phân tích, người thực hiện và phát hành báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing, được cấp chứng chỉ hành nghề và được quản lý bởi UBCKNN Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam.

Báo cáo này được viết nhằm mục đích chỉ cung cấp thông tin. Bản báo cáo này không nên và không được diễn giải như một đề nghị mua hoặc bán hoặc khuyến khích mua hoặc bán bất cứ khoản đầu tư nào. Khi xây dựng bản báo cáo này, chúng tôi hoàn toàn đã không cân nhắc về các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc các nhu cầu cụ thể của các nhà đầu tư. Cho nên khi đưa ra các quyết định đầu tư cho riêng mình các nhà đầu tư nên dựa vào đánh giá cá nhân hoặc tư vấn của chuyên gia tư vấn tài chính độc lập của mình và tùy theo tình hình tài chính cá nhân, mục tiêu đầu tư và các quan điểm thích hợp khác trong từng hoàn cảnh. CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam không đảm bảo nhà đầu tư sẽ đạt được lợi nhuận hoặc được chia sẻ lợi nhuận từ các khoản đầu tư. CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam, hoặc các bên liên quan, và các nhân sự cấp cao, giám đốc và nhân viên tuyên bố miễn trừ trách nhiệm với các khoản lỗ hoặc tổn thất liên quan đến việc sử dụng toàn bộ hoặc một phần báo cáo này. Thông tin và nhận định có thể thay đổi bất cứ lúc nào mà không cần báo trước và có thể khác hoặc ngược với quan điểm được thể hiện trong các mảng kinh doanh khác của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam. Quyết định đầu tư cuối cùng phải dựa trên các đánh giá cá nhân của khách hàng, và báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing không thể được sử dụng như là chứng cứ cho các tranh chấp pháp lý liên quan đến các quyết định đầu tư.

Bản quyền © 2023 của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam.